

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ);*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 2119/QĐ-BYT ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực giám định y khoa quy định tại Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2495/QĐ-BYT ngày 4 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí theo Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2669/QĐ-BYT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Dược phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Thông tư số 36/2025/TT-BYT ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi, bổ sung một số điều về phân cấp của Thông tư 04/2018/TT-BYT ngày 09 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về Thực hành tốt phòng thí nghiệm; Quyết định số 2922/QĐ-BYT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ lĩnh vực Dân số, Bà mẹ - Trẻ em thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Quyết định số 2944/QĐ-BYT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 214/TTr-SYT ngày 11 tháng 9 năm 2025 và Tờ trình số 240/TTr-SYT ngày 17 tháng 9 năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục: 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 52 thủ tục hành chính được sửa đổi bổ sung; 18 thủ tục hành chính bị bãi bỏ của ngành Y tế áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang (có Danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Công dịch vụ công quốc gia;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Gia Long**

**Phần I.**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ CỦA**  
**NGÀNH Y TẾ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG**  
(Kèm theo Quyết định số:            /QĐ-UBND ngày    tháng    năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| STT | Mã TTHC                                    | Tên TTHC                | Thời hạn giải quyết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Địa điểm thực hiện                                                           | Phí, lệ phí | Căn cứ pháp lý cho việc công bố mới TTHC                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----|--------------------------------------------|-------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH, CẤP XÃ</b> |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|     | <b>Lĩnh vực: Dân số, Bà mẹ - Trẻ em</b>    |                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                              |             |                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 1   | 1.014331                                   | Cấp Giấy chứng sinh     | <p>- <b>Trường hợp 1:</b> Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ: 05 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- <b>Trường hợp 2:</b> Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện kỹ thuật mang thai hộ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> | Nộp trực tiếp tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.                                | không       | <p>- Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2922/QĐ-BYT ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế .</p> |
| 2   | 1.014332                                   | Cấp lại Giấy chứng sinh | 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ hợp lệ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nộp trực tiếp tại Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã cấp Giấy chứng sinh lần đầu. | không       |                                                                                                                                                                                                                                                                          |

**B. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung**

| STT                                             | Mã TTHC  | Tên TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Phí, lệ phí (nếu có)                                     |                                          | Căn cứ pháp lý cho việc sửa đổi, bổ sung TTHC                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------------------------------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Mức phí từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 (đồng) | Mức phí từ ngày 01/01/2027 trở đi (đồng) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| (1)                                             | (2)      | (3)                                                                                                                                                                                                                                                                                          | (4)                 | (5)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | (6)                                                      | (7)                                      | (8)                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b>              |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                          |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh (08 TTHC)</b> |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                          |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                               | 1.012289 | Cấp mới giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 30 ngày             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</li> </ul> | 215.000                                                  | 430.000                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT</li> </ul> |
| 2                                               | 1.012292 | Điều chỉnh giấy phép hành nghề trong giai đoạn chuyển tiếp đối với                                                                                                                                                                                                                           |                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                          | 215.000                                                  | 430.000                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|   |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|---|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          | hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng                                                                                                 |         | <p>nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). (a)</p> <p>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</p>                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                            |
| 3 | 1.012290 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với trường hợp được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 đối với hồ sơ nộp từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến thời điểm kiểm tra đánh giá năng lực hành nghề đối với các chức danh bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng | 15 ngày | <p>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). (a)</p> <p>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</p> | <p>- Đối với các trường hợp quy định tại:</p> <p>+ Điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;</p> <p>+ Điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP; điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>+ Người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 khi bị mất hoặc hư hỏng;</p> <p>+ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp</p> | <p>- Đối với các trường hợp quy định tại:</p> <p>+ Điểm a khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐCP;</p> <p>+ Điểm b khoản 1 Điều 131 Nghị định số 96/2023/NĐCP;</p> <p>+ Giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;</p> <p>+ Người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 khi bị mất hoặc hư hỏng;</p> | <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025</p> |

|  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                        |
|--|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
|  |  |  |  |  | <p>chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài;</p> <p>+ Các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12.</p> <p>Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng): <b>75.000.</b></p> <p>- Các trường hợp còn lại: <b>215.000.</b> <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề)</i></p> | <p>+ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề đã được cấp chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 khi thay đổi một trong các thông tin về họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; số định danh cá nhân đối với người hành nghề Việt Nam; số hộ chiếu và quốc tịch đối với người hành nghề nước ngoài;</p> <p>+ Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề đối với người hành nghề bị thu hồi chứng chỉ hành nghề trước ngày 01/01/2024 theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 29 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12.</p> <p>Thời gian từ ngày thu hồi chứng chỉ hành nghề đến ngày đề nghị được cấp giấy phép hành nghề không quá 24 tháng): <b>150.000.</b></p> <p>- Các trường hợp còn lại: <b>430.000.</b> <i>(Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có</i></p> | của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
|--|--|--|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|

|   |          |                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <i>thẩm quyền cấp giấy<br/>phép hành nghề)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|---|----------|--------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4 | 1.012278 | Cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | Tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ và; 10 ngày làm việc kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định hoặc nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị. | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân) (b)</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<i>dichvucong.gov.vn</i>)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 5.250.000;</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000;</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.550.000;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000;</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bệnh viện: 10.500.000;</li> <li>- Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000;</li> <li>- Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000;</li> <li>- Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000;</li> <li>- Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 5 | 1.012279 | Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 20 Ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                         | 750.000 ( <i>Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1.500.000 ( <i>Không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan cấp</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       |

|   |          |                                                     |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------|-----------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                     |         | <p>đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân) (b)</p> <p>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</p>                                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | <p>Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> |
| 6 | 1.012280 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh | 20 Ngày | <p>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân) (b)</p> <p>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</p> | <p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên: 750.000.</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động:</p> <p>+ Bệnh viện: 5.250.000</p> <p>+ Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 2.850.000</p> <p>+ Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y</p> | <p>- Trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên: 1.500.000.</p> <p>- Trường hợp thay đổi quy mô hoạt động:</p> <p>+ Bệnh viện: 10.500.000</p> <p>+ Phòng khám đa khoa, nhà hộ sinh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình: 5.700.000</p> <p>+ Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương</p> | <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của</p>                        |

|  |  |  |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                            |
|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |  | <p>tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.150.000</p> <p>+ Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000.</p> <p>- Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 2.150.000;</p> <p>+ Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 1.550.000;</p> <p>+ Các hình thức tổ chức</p> | <p>đương: 3.100.000</p> <p>+ Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000.</p> <p>- Trường hợp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:</p> <p>+ Bệnh viện, Phòng khám đa khoa, Nhà hộ sinh, Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, Phòng khám chuyên khoa, Phòng khám liên chuyên khoa, Phòng khám bác sỹ y khoa, Phòng khám răng hàm mặt, Phòng khám dinh dưỡng, Phòng khám y sỹ đa khoa, Cơ sở dịch vụ cận lâm sàng: 4.300.000;</p> <p>+ Phòng khám y học cổ truyền, Phòng chẩn trị y học cổ truyền, Trạm y tế cấp xã, trạm xá và tương đương: 3.100.000;</p> <p>+ Các hình thức tổ chức khám bệnh, chữa bệnh khác: 4.300.000. <i>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ</i></p> | <p>TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> |
|--|--|--|--|--|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |          |                                                                                                                                             |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|   |          |                                                                                                                                             |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | khám bệnh, chữa bệnh khác: 2.150.000.<br>(không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) | quan có thẩm quyền cấp, trường hợp thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi địa điểm do có sự điều chỉnh về địa giới hành chính và trường hợp điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với trường hợp giảm bớt danh mục kỹ thuật của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh) |                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 7 | 1.012271 | Cấp mới giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 30 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</li> </ul> | 215.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 430.000                                                                                                                                                                                                                                                 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được</li> </ul> |

|                                          |          |                                                                                                                                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                          |          |                                                                                                                                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 8                                        | 1.012272 | Cấp lại giấy phép hành nghề đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền | 15 ngày          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP;</li> <li>- Trường hợp giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 75.000;</li> <li>- Các trường hợp còn lại: 215.000 (<i>không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề</i>)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp giấy phép hành nghề bị mất hoặc hư hỏng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 21 Nghị định số 96/2023/NĐCP;</li> <li>- Trường hợp giấy phép hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh: 150.000;</li> <li>- Các trường hợp còn lại: 430.000 (<i>không thu phí đối với trường hợp cấp sai do lỗi của cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề</i>)</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul> |
| <b>Lĩnh vực: Thiết bị y tế (04 TTHC)</b> |          |                                                                                                                                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 9                                        | 3.000448 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do                                                                                                          | 03 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 500.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1.000.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Thông tư số 64/2025/TT-                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|    |          |                                             |                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |           |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | (CFS) đối với thiết bị y tế loại A, B       |                                                                                                                                                                                                                                                              | cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                        |           |           | BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br><br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 10 | 1.003006 | Công bố đủ điều kiện sản xuất thiết bị y tế | Ngay sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Y tế trên địa bàn nơi đặt cơ sở sản xuất trang thiết bị y tế đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử về quản lý trang thiết bị y tế các thông tin và hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế. | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> ) | 1.500.000 | 3.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 11 | 1.003039 | Công bố đủ điều kiện                        | Ngay sau khi                                                                                                                                                                                                                                                 | - Trực tiếp hoặc qua                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1.500.000 | 3.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                                         |

|                                       |          |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            |                                                                                                      |
|---------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       |          | kiện mua bán thiết bị y tế thuộc loại B, C, D                                                 | nhận được hồ sơ đầy đủ, Sở Y tế trên địa bàn nơi đặt cơ sở mua bán trang thiết bị y tế đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử về quản lý trang thiết bị y tế các thông tin và hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế. | DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> ) |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            |                                                                                                      |
| 12                                    | 1.003029 | Công bố tiêu chuẩn áp dụng Sở Y tế đối với thiết bị y tế thuộc loại A, B                      | 01 ngày                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Loại A: 500.000<br>Loại B: 1.500.000                                                                                                                      | Loại A: 1.000.000<br>Loại B: 3.000.000                                                                                                                     |                                                                                                      |
| <b>Lĩnh vực: Phòng bệnh (23 TTHC)</b> |          |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                            |                                                                                                      |
| 13                                    | 1.013866 | Đăng ký lưu hành mới chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 30 ngày làm việc                                                                                                                                                                                                                               | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số                                                                                                                                                  | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 1.750.000 - Thẩm định cấp mới: 5.500.000 | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 3.500.000 - Thẩm định cấp mới: 11.000.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số |

|    |          |                                                                                                                                                                |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                             |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | 1.013874 | Gia hạn số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                           | 30 ngày làm việc | 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                                                                                                                                                           | 2.000.000                                                                                                                                                                                                                             | 4.000.000                                                                                                                                                                                                                            | khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br><br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 15 | 1.013887 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                 | 30 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1.250.000                                                                                                                                                                                                                             | 2.500.000                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |
| 16 | 1.013891 | Đăng ký lưu hành bổ sung do đổi tên chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                   | 30 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> ) | 2.500.000                                                                                                                                                                                                                             | 5.000.000                                                                                                                                                                                                                            |                                                                                                                                                                                             |
| 17 | 1.013895 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 60 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 1.750.000.<br><br>- Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất: 1.250.000 | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế: 3.500.000<br><br>- Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi địa điểm cơ sở sản xuất, thay đổi cơ sở sản xuất: 2.500.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh                                                |

|    |          |                                                                                                                                                                                        |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 18 | 1.013867 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tên, địa chỉ liên lạc của đơn vị đăng ký, đơn vị sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                | 30 ngày |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1.250.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2.500.000                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | nghiệp, người dân;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                       |
| 19 | 1.013868 | Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất | 30 ngày | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> ) | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế (trừ trường hợp thay đổi hạn sử dụng): 1.750.000.<br>- Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế: 1.250.000 | - Thẩm định cấp giấy phép khảo nghiệm hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong gia dụng và y tế (trừ trường hợp thay đổi hạn sử dụng): 3.500.000.<br>- Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi tác dụng, liều lượng sử dụng, phương pháp sử dụng, hàm lượng hoạt chất, hàm lượng phụ gia cộng hưởng, dạng chế phẩm, hạn sử dụng, nguồn hoạt chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế: 2.500.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 |

|    |          |                                                                                                                            |         |                                                                                                                                                                                                                      |           |           |                                                                                                                                                                                                                                                        |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | 1.013870 | Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế  | 10 ngày |                                                                                                                                                                                                                      | 1.250.000 | 2.500.000 | của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                 |
| 21 | 1.013875 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu             | 15 ngày | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 1.000.000 | 2.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 22 | 1.013880 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ | 15 ngày | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                                                                                  | 1.000.000 | 2.000.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT |
| 23 | 1.013881 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng    | 15 ngày |                                                                                                                                                                                                                      | 1.000.000 | 2.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 24 | 1.013883 | Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong                                                     | 15 ngày | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp                                                                                                                               | 1.000.000 | 2.000.000 |                                                                                                                                                                                                                                                        |

|    |          |                                                                                                                                                                                                |                  |                                                                                                                                                                                                                      |           |           |                                                                                                                                                                 |
|----|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu                                                 |                  | nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).                                                                                        |           |           | ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                           |
| 25 | 1.013886 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế                       | 3 ngày           | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                                                                                  | 1.000.000 | 2.000.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; |
| 26 | 1.013889 | Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế | 03 ngày          | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 1.000.000 | 2.000.000 | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                       |
| 27 | 1.004070 | Công bố cơ sở đủ điều kiện kiểm nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt                                                                                                                           | 03 ngày làm việc | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                                                                                  | 150.000   | 300.000   |                                                                                                                                                                 |

|    |          |                                                                                                                         |                  |                                                                                                                                                                                                                      |         |         |                                                                                                                                                                 |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế                                                                              |                  |                                                                                                                                                                                                                      |         |         |                                                                                                                                                                 |
| 28 | 1.004062 | Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế         | 03 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                      | 150.000 | 300.000 |                                                                                                                                                                 |
| 29 | 1.002944 | Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế            | 03 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                      | 150.000 | 300.000 |                                                                                                                                                                 |
| 30 | 1.002467 | Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm    | 03 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 150.000 | 300.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; |
| 31 | 1.002564 | Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế | 10 ngày làm việc | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia                                                                                                                                                               | 150.000 | 300.000 | - Những bộ                                                                                                                                                      |

|    |          |                                                                                                                |                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |           |                                                                                                                |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 32 | 1.013878 | Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III                               | 27 ngày                                                                     | (dichvucong.gov.vn)                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4.500.000 | 9.000.000 | phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| 33 | 1.013884 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do hết hạn.                   | 27 ngày                                                                     | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).<br><br>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (dichvucong.gov.vn) | 4.500.000 | 9.000.000 |                                                                                                                |
| 34 | 1.013893 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do bị hỏng, bị mất            | 27 ngày                                                                     | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).                                                                                   | 4.500.000 | 9.000.000 |                                                                                                                |
| 35 | 1.013865 | Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp III do thay đổi tên của cơ sở xét | Trường hợp 1: Có thẩm định tại phòng xét nghiệm 27 ngày làm việc kể từ ngày | - Qua DVC trực tuyến                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4.500.000 | 9.000.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy                                     |

|                                             |          |                                                                                                                               |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                      |           |           |                                                                                                                                                                                                                       |
|---------------------------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                             |          | nghiệm.                                                                                                                       | nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Trường hợp 2: Không thẩm định tại phòng xét nghiệm 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ | toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a> )                                                                                                                       |           |           | định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br><br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |
| <b>Lĩnh vực: Y dược cổ truyền (03 TTHC)</b> |          |                                                                                                                               |                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                      |           |           |                                                                                                                                                                                                                       |
| 36                                          | 1.012418 | Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền                  | 20 ngày làm việc                                                                                                                       | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 1.250.000 | 2.500.000 | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;                                                       |
| 37                                          | 1.012415 | Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT- | 35 ngày làm việc                                                                                                                       | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia                                                                                                                                                               | 1.250.000 | 2.500.000 | - Những bộ                                                                                                                                                                                                            |

|                                              |          |                                                                                                                                                                                 |                  |                                                                                                                                                                                                                      |                       |                        |                                                                                                                                                                 |
|----------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                              |          | BYT                                                                                                                                                                             |                  | (dichvucong.gov.vn)                                                                                                                                                                                                  |                       |                        | phận tạo thành còn lại của                                                                                                                                      |
| 38                                           | 1.012416 | Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT                                                | 10 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                      | 1.250.000             | 2.500.000              | TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                             |
| <b>Lĩnh vực: An toàn thực phẩm (13 TTHC)</b> |          |                                                                                                                                                                                 |                  |                                                                                                                                                                                                                      |                       |                        |                                                                                                                                                                 |
| 39                                           | 1.013862 | Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi. | 07 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 750.000/ lần/sản phẩm | 1.500.000/lần/sản phẩm | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân; |
| 40                                           | 1.013858 | Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi            | 07 ngày          | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (dichvucong.gov.vn)                                                                                                                                           | 750.000/ lần/sản phẩm | 1.500.000/lần/sản phẩm | - Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT                                                                             |

|    |          |                                                                                                  |                  |                                                                                                                                                                                                                      |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 41 | 1.013857 | Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.                                   | 45 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                      | 4.250.000 /lần/ đơn vị | 28.500.000/lần/ đơn vị | ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 42 | 1.013854 | Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.                   | 45 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 10.250.000/lần/ đơn vị | 20.500.000/lần/ đơn vị |                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 43 | 1.013850 | Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước. | 45 ngày làm việc | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <i>dichvucong.gov.vn</i> )                                                                                                                                  | 14.250.000/lần/ đơn vị | 28.500.000/lần/ đơn vị | - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;<br><br>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế. |

|    |          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                        |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|----|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 44 | 1.013844 | Đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận nước ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á Thái Bình Dương đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025 | 30 ngày làm việc | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</li> </ul> | 14.250.000/lần/ đơn vị | 28.500.000/lần/ đơn vị | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul> |
| 45 | 1.013851 | Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi                                                                                                                                                                                                                                                    | 10 ngày làm việc |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 550.000/lần/sản phẩm   | 1.100.000/lần/sản phẩm |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 46 | 1.013847 | Sửa đổi, bổ sung,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 03 ngày làm      | - Trực tiếp hoặc qua                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 500.000/lần/giấy       | 1.000.000/lần/giấy     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

|    |          |                                                                                                                                                               |                  |                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
|----|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |          | cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế                                                   | việc             | DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | chứng nhận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | chứng nhận                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 47 | 1.013855 | Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế | 20 ngày làm việc | <p>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<i>dichvucong.gov.vn</i>)</p>                                                                                                        | <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 500.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn: 350.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 500.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 250.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 1.250.000/lần/cơ sở</p> | <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh thực phẩm: 1.000.000 /lần/cơ sở</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống dưới 200 suất ăn: 700.000 /lần/cơ sở</p> <p>- Phí thẩm định cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 500.000/lần/cơ sở</p> <p>- Phí đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 2.500.000/lần/ cơ sở</p> | <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định 2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</p> |

|    |          |                                                                                                                |                  |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                      |                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 48 | 1.013838 | Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế. | 03 ngày làm việc | - Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân). | 500.000/lần/giấy chứng nhận                                                                          | 1.000.000/lần/giấy chứng nhận                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 49 | 1.013829 | Cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu.                                                               | 05 ngày làm việc | - Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia ( <i>dichvucong.gov.vn</i> )                                                                                                                                  | 500.000/lần/giấy chứng nhận                                                                          | 1.000.000/lần/giấy chứng nhận                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                            |
| 50 | 1.002867 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường      | 03 ngày làm việc | Trực tiếp tại Cơ quan kiểm tra nhà nước hoặc trực tuyến qua Cổng thông tin một cửa quốc gia phân hệ Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương (nếu đã áp dụng)                                 | 150.000/lô hàng                                                                                      | 300.000/lô hàng                                                                                         | <p>- Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;</p> <p>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại</p> |
| 51 | 2.001191 | Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt              | 07 ngày làm việc | Trực tiếp hoặc trực tuyến tại Cơ quan hải quan                                                                                                                                                                       | 500.000/lô hàng + số mặt hàng x100.000 (số mặt hàng tính từ mặt hàng thứ 2) Tối đa 5.000.000/lô hàng | 1.000.000/lô hàng + số mặt hàng x100.000 (số mặt hàng tính từ mặt hàng thứ 2) Tối đa 10.000.000/lô hàng |                                                                                                                                                                                                                                            |

|    |                            |                                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                            |
|----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                            |                                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  | Quyết định<br>2495/QĐ-BYT<br>ngày 04/8/2025<br>của Bộ trưởng<br>Bộ Y tế.                                                                                                                                                                                   |
|    | <b>Lĩnh vực: Dược phẩm</b> |                                                                                                                                                                |         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |  |                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 52 | 1.003068                   | Kiểm soát thay đổi<br>khi có thay đổi<br>thuộc một trong<br>các trường hợp quy<br>định tại các điểm d,<br>đ và e Khoản 1<br>Điều 11 Thông tư<br>04/2018/TT-BYT | 10 ngày | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBC: Bộ phận một cửa Sở Y tế tại trung tâm PVHCC tỉnh (Điểm tiếp nhận hồ sơ: số 519, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1; Điểm tiếp nhận hồ sơ: Số 609, đường Quang Trung, phường Minh Xuân).</li> <li>- Qua DVC trực tuyến toàn trình trên cổng DVC quốc gia (<a href="http://dichvucong.gov.vn">dichvucong.gov.vn</a>)</li> </ul> |  |  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 36/2025/TT-BYT ngày 28/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế;</li> <li>- Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được quy định tại Quyết định số 2669/QĐ-BYT ngày 21/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế.</li> </ul> |

**\*Ghi chú:** (a) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Cơ quan chuyên môn về Y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế, thuộc Bộ, ngành) trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Đối với người làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân (bao gồm cả bệnh viện tư nhân); c) Đối với người đang không làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

(b) Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (bao gồm cả các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ, ngành), trừ cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế và các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; b) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn quản lý (trừ bệnh viện tư nhân).

**C. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ**

| STT | Mã TTHC                            | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                                                         | Căn cứ pháp lý cho việc bãi bỏ TTHC                                                                          |
|-----|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                              |
|     | <b>Lĩnh vực: Giám định y khoa</b>  |                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                              |
| 1   | 1.002671                           | Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động                                                                                                                                                                                              | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 2   | 1.002208                           | Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất                                                                                                                                                                                                                     | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 3   | 1.002168                           | Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần                                                                                                                                                                                                                | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 4   | 1.002190                           | Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai                                                                                                | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 5   | 1.011799                           | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |

|                                  |          |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                              |
|----------------------------------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6                                | 1.002136 | Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát                                                                                                                                                                           | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 7                                | 1.002146 | Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động                                                                                                                                          | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 8                                | 1.002694 | Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp                                                                                                                                                                             | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 9                                | 1.000281 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật                                                                                | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 10                               | 1.011798 | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 11                               | 1.002706 | Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động                                                                                                                                                                  | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| 12                               | 1.002118 | Khám giám định tổng hợp                                                                                                                                                                                                | Nghị định số 148/2025/NĐCP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Y tế |
| <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ</b> |          |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                              |
| <b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>  |          |                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                              |

|                                |          |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                              | 1.013821 | Thực hiện, điều chỉnh, tạm dừng, thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn                                     | Nghị định số 215/2025/NĐCP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể |
| 2                              | 1.013822 | Hỗ trợ chi phí mai táng đối với nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| Lĩnh vực: Dân số, bà mẹ trẻ em |          |                                                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 3                              | 1.002150 | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh hoặc nhân viên y tế thôn, bản hoặc cô đỡ thôn, bản đỡ đẻ | Thông tư số 22/2025/TT-BYT ngày 28/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 4                              | 1.003437 | Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 5                              | 1.003564 | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị nhầm lẫn khi ghi chép giấy chứng sinh                                                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 6                              | 1.002150 | Cấp lại giấy chứng sinh đối với trường hợp bị mất hoặc hư hỏng                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |

